**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU**

**LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

Ngày 20/11/2017, tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/01/2018, dưới đây là những nội dung cơ bản của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT**

Sau 4 năm triển khai thực hiện Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 - 2015” ban hành kèm theo Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 01/3/2012, về cơ bản, việc cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng đã đạt được một số kết quả quan trọng. *Thứ nhất*, các tổ chức tín dụng yếu kém được nhận diện và được cơ cấu lại, không để xảy ra đổ vỡ tổ chức tín dụng ngoài tầm kiểm soát, đảm bảo giữ vững sự ổn định, an toàn của hệ thống các tổ chức tín dụng, tài sản của Nhà nước, nhân dân được bảo đảm an toàn. *Thứ hai*, hoạt động sáp nhập, hợp nhất diễn ra trên cơ sở tự nguyện, chủ yếu sử dụng các nguồn lực của xã hội và không sử dụng trực tiếp tiền của ngân sách nhà nước. Số lượng tổ chức tín dụng đã giảm được khoảng 22 tổ chức. *Thứ ba*, sở hữu chéo, đầu tư chéo được xử lý một bước; tình trạng cổ đông/nhóm cổ đông lớn thao túng ngân hàng được xử lý một bước cơ bản. *Thứ tư*, các tổ chức tín dụng đã tích cực nâng cao chất lượng tài sản, kiểm soát chất lượng tín dụng và xử lý nợ xấu, đặc biệt là nỗ lực tự xử lý nợ xấu. Tính đến 31/12/2015, các tổ chức tín dụng đã xử lý được 493,09 nghìn tỷ đồng nợ xấu. Đến cuối tháng 31/12/2016, tỷ lệ nợ xấu nội bảng của hệ thống tổ chức tín dụng là 2,46%.

Tuy nhiên, quá trình triển khai cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng cho thấy việc xử lý tổ chức tín dụng yếu kém còn gặp nhiều khó khăn, tiềm ẩn rủi ro lớn cho hệ thống tổ chức tín dụng và nền kinh tế mà một trong những nguyên nhân chính là do cơ chế, chính sách về xử lý tổ chức tín dụng yếu kém còn nhiều bất cập, nhiều vấn đề mới, phức tạp phát sinh mà pháp luật chưa có quy định hoặc chưa điều chỉnh kịp thời. Thứ nhất, quy định về thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước khi xử lý tổ chức tín dụng yếu kém còn chưa hoàn thiện, chưa đầy đủ. Thứ hai, tiến trình phục hồi và cơ cấu lại các tổ chức tín dụng yếu kém còn hết sức khó khăn do chưa có giải pháp và biện pháp hỗ trợ phù hợp với đặc thù của tổ chức tín dụng yếu kém.

Từ thực tiễn nêu trên và để triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng gắn với nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020, việc sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng để tạo lập khuôn pháp lý cho việc xử lý tổ chức tín dụng yếu kém là yêu cầu cấp thiết.

**II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT**

1. Cần cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng liên quan đến xử lý tổ chức tín dụng yếu kém, đặc biệt là hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để xử lý căn bản và triệt để các tổ chức tín dụng yếu kém bằng các hình thức phù hợp với cơ chế thị trường trên nguyên tắc thận trọng, bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền và giữ vững sự ổn định, an toàn hệ thống, cần đảm bảo quyền lợi của người gửi tiền và giữ vững sự ổn định, an toàn hệ thống.

2. Cần quy định đầy đủ, cụ thể về thẩm quyền quyết định, các phương án, biện pháp có thể áp dụng để xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt để bảo đảm có đủ cơ sở pháp lý cho cơ quan có thẩm quyền lựa chọn áp dụng phương án, biện pháp phù hợp với thực trạng của từng tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

3. Cần khắc phục các vướng mắc, bất cập của hệ thống pháp luật về xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

4. Cần quy định các biện pháp ngăn ngừa có hiệu quả việc phát sinh mới các tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, xử lý triệt để tình trạng sở hữu chéo, vốn ảo trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

5. Cần phải tham khảo kinh nghiệm của một số nước có điều kiện tương đồng với Việt Nam trong cơ cấu lại các tổ chức tín dụng yếu kém như Hàn Quốc, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Hướng dẫn xử lý ngân hàng yếu kém của Ủy ban Basel về thanh tra, giám sát ngân hàng... để vận dụng có chọn lọc, phù hợp với thực tiễn của Việt Nam nhằm đưa ra những quy định cụ thể, khả thi, hiệu quả.

**III. BỐ CỤC VÀ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT**

**A. BỐ CỤC CỦA LUẬT**

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng gồm 3 điều, cụ thể:

- **Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng, trong đó, sửa đổi, bổ sung 32 điều, bổ sung mới 28 điều.

- **Điều 2**. Điều khoản thi hành.

- **Điều 3**. Quy định chuyển tiếp.

**B. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT**

**1. Về nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng (Điều 1)**

***1.1. Bổ sung vào Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng về giải thích từ ngữ***

a) Luật đã bổ sung quy định về pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát đối với từng trường hợp cụ thể (điểm g khoản 28 Điều 4).

b) Bổ sung các khoản 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40 vào Điều 4 một số thuật ngữ về xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt như: can thiệp sớm; kiểm soát đặc biệt; phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; phương án phục hồi; phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp; phương án chuyển giao bắt buộc; bên nhận chuyển giao; tổ chức tín dụng hỗ trợ, cụ thể như sau:

“33. *Can thiệp sớm* là việc Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khắc phục tình trạng quy định tại khoản 1 Điều 130a của Luật này.

34. *Kiểm soát đặc biệt* là việc đặt một tổ chức tín dụng dưới sự kiểm soát trực tiếp của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Mục 1 Chương VIII của Luật này.

35. *Phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt (sau đây gọi là phương án cơ cấu lại)* là một trong các phương án sau đây:

a) Phương án phục hồi;

b) Phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp;

c) Phương án giải thể;

d) Phương án chuyển giao bắt buộc;

đ) Phương án phá sản.

36. *Phương án phục hồi* là phương án áp dụng các biện pháp để tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt tự khắc phục tình trạng dẫn đến tổ chức tín dụng đó được đặt vào kiểm soát đặc biệt.

37. *Phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp* là phương án áp dụng khi có tổ chức tín dụng nhận sáp nhập, hợp nhất, có nhà đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

38. *Phương án chuyển giao bắt buộc* là phương án chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông của ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt phải chuyển giao toàn bộ cổ phần, phần vốn góp cho bên nhận chuyển giao.

39. *Bên nhận chuyển giao* là tổ chức tín dụng trong nước, tổ chức tín dụng nước ngoài, nhà đầu tư khác có đề nghị được nhận chuyển giao bắt buộc và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định được nhận chuyển giao bắt buộc.

40. *Tổ chức tín dụng hỗ trợ* là tổ chức tín dụng được chỉ định tham gia quản trị, kiểm soát, điều hành, hỗ trợ tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.”.

***1.2. Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Các tổ chức tín dụng liên quan đến nâng cao năng lực quản trị điều hành***

a) Luật đã bổ sung *điểm h vào* *khoản 1 Điều 33* về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) và chức danh tương đương của tổ chức tín dụng. Theo đó, người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) và chức danh tương đương của tổ chức tín dụng.

b) Luật đã *sửa đổi, bổ sung khoản 3 và bổ sung khoản 4 vào* *Điều 34.* Trên cơ sở kế thừa các quy định về những người không cùng đảm nhiệm chức vụ, Luật đã sửa đổi, bổ sung vào Điều 34 như sau:

“3. Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của tổ chức tín dụng. Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng không được đồng thời là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.”

Quy định này để hạn chế việc lạm dụng quyền đồng thời là người quản trị, điều hành tại tổ chức tín dụng và doanh nghiệp để thực hiện hoạt động đầu tư, cấp tín dụng không trên cơ sở thị trường, tạo ra rủi ro lớn cho hoạt động của tổ chức tín dụng.

c) Luật đã sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, điều kiện đối với các chức danh thành viên Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng.

Luật đã sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên tại *điểm c khoản 1 Điều 50* là có bằng đại học trở lên. Đồng thời, *bổ sung điểm d vào khoản 1 Điều 50* các tiêu chuẩn, điều kiện là: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

Ngoài ra, trên cơ sở kế thừa các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật đã *sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 Điều 50* về điều kiện để trở thành Tổng giám đốc (Giám đốc) là: có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

d) Sửa đổi, bổ sung quy định về chấp thuận danh sách nhân sự người quản trị, người điều hành, kiểm soát dự kiến của quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng hợp tác xã (*sửa đổi, bổ sung* *khoản 2 Điều 75 về cơ cấu tổ chức của tổ chức tín dụng là hợp tác xã*) nhằm nâng cao năng lực quản trị, điều hành cho nhân sự quản lý, điều hành, kiểm soát của tổ chức tín dụng. Theo đó, Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, am hiểu về hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến việc bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản này.

đ) Luật đã bổ sung *khoản 4 vào Điều 39* quy định tổ chức tín dụng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước thông tin về lợi ích liên quan của người quản lý, điều hành, kiểm soát của tổ chức tín dụng. Cụ thể:

“4. Tổ chức tín dụng phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức tín dụng nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.”

***1.3. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung về minh bạch hóa nguồn vốn góp, ngăn chặn, hạn chế sở hữu chéo***

a) Trên cơ sở kế thừa quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 về nghĩa vụ của cổ đông phổ thông, Luật đã *sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 54* quy định yêu cầu cổ đông “Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại tổ chức tín dụng; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của tổ chức tín dụng; không được góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật”.

b) *Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 55* về tỷ lệ sở hữu cổ phần, cụ thể:

“a) Sở hữu cổ phần tại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng tại công ty con, công ty liên kết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 103, khoản 3 Điều 110 của Luật này;”

“3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng, trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này. Cổ đông lớn của một tổ chức tín dụng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác.”

c) Sửa đổi, bổ sung quy định về việc không được cấp tín dụng, hạn chế cấp tín dụng và giới hạn cấp tín dụng tại Điều 126, Điều 127, Điều 128 Luật Các tổ chức tín dụng, cụ thể như sau:

*Về những trường hợp không được cấp tín dụng (Điều 126)*, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng đã sửa đổi, bổ sung khoản 2, cụ thể: quy định về những trường hợp tổ chức, cá nhân không được cấp tín dụng sẽ không áp dụng đối với quỹ tín dụng nhân dân và trường hợp cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng cho cá nhân. Đồng thời, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng đã sửa đổi, bổ sung khoản 6, theo đó tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng để góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng. Tại Điều 126, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng còn bổ sung thêm khoản 7, quy định việc cấp tín dụng bao gồm cả hoạt động mua, đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp.

*Về hạn chế cấp tín dụng (Điều 127)*, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng đã sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1, bổ sung khoản 5 vào Điều 127 như sau:

Kế toán trưởng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc và các chức danh tương đương của quỹ tín dụng nhân dân.

Tổng mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 2 Điều 127 bao gồm cả tổng mức mua, đầu tư vào trái phiếu do các đối tượng quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều 127 phát hành; tổng mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 4 Điều 127 bao gồm cả tổng mức mua, đầu tư vào trái phiếu do các đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 127 phát hành.

*Về giới hạn cấp tín dụng (Điều 128)*, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng đã sửa đổi, bổ sung các khoản 4, 5 và 7 Điều 128 như sau:

Mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 128 bao gồm cả tổng mức mua, đầu tư vào trái phiếu do khách hàng, người có liên quan của khách hàng đó phát hành.

Giới hạn và điều kiện cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước quy định.

Trường hợp đặc biệt, để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà khả năng hợp vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa đáp ứng được nhu cầu của một khách hàng thì Thủ tướng Chính phủ quyết định mức cấp tín dụng tối đa vượt quá các giới hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 128 đối với từng trường hợp cụ thể. Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ, trình tự đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt quá các giới hạn.

***1.4. Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về xử lý tổ chức tín dụng yếu kém***

*a) Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng đã bổ sung Điều 130a* về áp dụng can thiệp sớm đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài yếu kém nhưng chưa đến mức phải kiểm soát đặc biệt nhằm hạn chế tổ chức tín dụng, ngân hàng nước ngoài yếu kém mới phát sinh.

Theo đó, Ngân hàng Nhà nước xem xét áp dụng can thiệp sớm đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lâm vào một trong các trường hợp sau đây:

- Không duy trì được tỷ lệ khả năng chi trả an toàn trong thời gian 03 tháng liên tục;

- Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ trong thời gian 06 tháng liên tục;

- Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Luật cũng quy định, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong trường hợp này phải có phương án khắc phục bao gồm một hoặc một số biện pháp sau đây:

- Thu hẹp nội dung, phạm vi hoạt động, hạn chế các giao dịch lớn;

- Tăng vốn điều lệ, vốn được cấp; tăng cường nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao; bán, chuyển nhượng tài sản và thực hiện các giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng;

- Hạn chế chi trả cổ tức, phân phối lợi nhuận;

- Cắt giảm chi phí hoạt động, chi phí quản lý; hạn chế trả thù lao, lương, thưởng đối với người quản lý, người điều hành;

- Tăng cường quản trị rủi ro; tổ chức lại bộ máy quản lý, cắt giảm nhân sự;

- Các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) *Sửa đổi, bổ sung quy định về kiểm soát đặc biệt (Mục 1 Chương VIII,* trong đó sửa đổi, bổ sung 9 điều*)* nhằm xử lý vướng mắc, bất cập trong quá trình Ngân hàng Nhà nước kiểm soát tổ chức tín dụng trên thực tế thời gian vừa qua, cụ thể: bổ sung thêm trường hợp xem xét đặt tổ chức tín dụng vào kiểm soát đặc biệt; bổ sung quy định phân định thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước trong việc quyết định chủ trương, phê duyệt phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; sửa đổi, bổ sung quy định về chấm dứt kiểm soát đặc biệt; trách nhiệm, quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước, Ban kiểm soát đặc biệt, các cơ quan quản trị, điều hành của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; sửa đổi, bổ sung quy định về khoản vay đặc biệt; bổ sung quy định về quản trị, điều hành và hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

*Về trường hợp đặt tổ chức tín dụng vào kiểm soát đặc biệt (Điều 145)*, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng quy định: tổ chức tín dụng được xem xét đặt vào kiểm soát đặc biệt khi lâm vào một trong các trường hợp sau đây:

- Mất, có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất, có nguy cơ mất khả năng thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

- Số lỗ lũy kế của tổ chức tín dụng lớn hơn 50% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

- Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ trong thời gian 12 tháng liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn thấp hơn 4% trong thời gian 06 tháng liên tục;

- Xếp hạng yếu kém trong 02 năm liên tục theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Đồng thời, khi có nguy cơ mất khả năng chi trả, nguy cơ mất khả năng thanh toán, tổ chức tín dụng phải kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về thực trạng, nguyên nhân, các biện pháp đã áp dụng, các biện pháp dự kiến áp dụng để khắc phục và các đề xuất, kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước.

*Quy định về chấm dứt kiểm soát đặc biệt cũng được Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng quy định tại Điều 145b*, cụ thể: Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt khắc phục được tình trạng dẫn đến tổ chức tín dụng đó được đặt vào kiểm soát đặc biệt và tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn;

- Trong thời gian kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được sáp nhập, hợp nhất vào tổ chức tín dụng khác hoặc bị giải thể;

- Sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để tiến hành thủ tục phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

*Về thẩm quyền quyết định cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt (Điều 146)*, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng quy định cụ thể:

- Chính phủ có thẩm quyền: quyết định chủ trương cơ cấu lại theo phương án giải thể, chuyển giao bắt buộc, phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc, phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; quyết định áp dụng biện pháp đặc biệt nhằm bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng, trật tự, an toàn xã hội khi xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất;

- Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền: quyết định chủ trương cơ cấu lại theo phương án phục hồi, sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp đối với ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, công ty tài chính được kiểm soát đặc biệt; phê duyệt phương án phục hồi, sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp đối với ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, công ty tài chính được kiểm soát đặc biệt; quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước với lãi suất ưu đãi đến mức 0% đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;

- Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền: quyết định chủ trương cơ cấu lại theo phương án phục hồi, sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô; phê duyệt phương án phục hồi, sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô, trừ trường hợp quyết định việc cho vay đặc biệt với lãi suất ưu đãi đến mức 0% đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; quyết định việc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam mua trái phiếu dài hạn của tổ chức tín dụng hỗ trợ.

*Về nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt (Điều 146a)*, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng quy định:

- Xử lý kiến nghị của Ban kiểm soát đặc biệt;

- Quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ trước khi phương án cơ cấu lại được phê duyệt, trừ trường hợp quyết định việc cho vay đặc biệt với lãi suất ưu đãi đến mức 0% đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;

- Chỉ định Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị, Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng thành viên, Trưởng ban và thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;

- Quyết định, điều chỉnh nội dung, phạm vi hoạt động, mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;

- Quyết định không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán hoặc chấm dứt áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán đối với tổ chức tín dụng thực hiện phương án phá sản đã được phê duyệt;

- Quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước, trừ trường hợp quyết định việc cho vay đặc biệt với lãi suất ưu đãi đến mức 0% đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;

- Yêu cầu chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt báo cáo việc sử dụng cổ phiếu, phần vốn góp; không được chuyển nhượng cổ phiếu, phần vốn góp; không được sử dụng cổ phiếu, phần vốn góp để làm tài sản bảo đảm;

- Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định.

*Về nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát đặc biệt (Điều 146b).* Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng đã bổ sung các quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát đặc biệt đối với các hoạt động của tổ chức tín dụng khi bị Ngân hàng Nhà nước đặt vào kiểm soát đặc biệt, gồm:

- Chỉ đạo Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện các nội dung sau đây: rà soát và điều chỉnh cơ cấu tổ chức, mạng lưới, hoạt động kinh doanh, tập trung thu hồi nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm; cắt giảm chi phí, bao gồm cả việc cắt giảm lãi suất của các khoản tiền gửi, trái phiếu có lãi suất cao, tiền thuê của các hợp đồng thuê tài sản, thuê mua tài sản có tiền thuê cao;

- Chỉ đạo tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt xây dựng, thực hiện phương án cơ cấu lại theo quy định của Luật này;

- Tạm đình chỉ một hoặc một số hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt nếu các hoạt động này có thể gia tăng rủi ro cho tổ chức tín dụng đó hoặc không phù hợp với phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt;

- Đình chỉ, tạm đình chỉ quyền quản trị, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng và kiến nghị Ngân hàng Nhà nước chỉ định người thay thế Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;

- Yêu cầu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) miễn nhiệm, đình chỉ công tác đối với người có hành vi vi phạm pháp luật, không chấp hành phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt, không chấp hành chỉ đạo của Ban kiểm soát đặc biệt;

- Kiến nghị Ngân hàng Nhà nước quyết định: thay đổi hình thức kiểm soát đặc biệt, gia hạn hoặc chấm dứt thời hạn kiểm soát đặc biệt; cho vay đặc biệt, gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt, thu nợ khoản vay đặc biệt; thanh lý tài sản, thu hồi Giấy phép của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;

- Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này.

*Quy định về khoản vay đặc biệt* cũng được Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng quy định cụ thể, tạo cơ chế phù hợp trợ giúp các tổ chức tín dụng yếu kém. Theo đó, Điều 146d Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng quy định tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác trong trường hợp sau đây:

- Để hỗ trợ thanh khoản khi tổ chức tín dụng có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống trong thời gian tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, bao gồm cả trường hợp tổ chức tín dụng đang thực hiện phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt;

- Để hỗ trợ phục hồi theo phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

Ngoài ra, Điều 146d cũng quy định khoản vay đặc biệt được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác, kể cả các khoản nợ có tài sản bảo đảm của tổ chức tín dụng trong trường hợp sau đây:

- Khi đến hạn trả nợ, trừ trường hợp trong thời gian phương án cơ cấu lại chưa được phê duyệt hoặc trường hợp thay đổi phương án cơ cấu lại nhưng chưa được phê duyệt;

- Khi giải thể, phá sản tổ chức tín dụng.

*Trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng, việc quản trị, điều hành và hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt cũng được bổ sung cụ thể tại Điều 146đ*. Theo đó, nội dung, phạm vi hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước quyết định, trừ trường hợp tạm đình chỉ một hoặc một số hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt nếu các hoạt động này có thể gia tăng rủi ro cho tổ chức tín dụng đó hoặc không phù hợp với phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt.

Đồng thời, trong thời gian kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không phải tuân thủ quy định tại các điều 128, 130, 131 và 140 của Luật Các tổ chức tín dụng mà thực hiện theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể; trường hợp số tiền phải trích lập dự phòng rủi ro lớn hơn chênh lệch thu chi từ kết quả kinh doanh hằng năm (chưa bao gồm số tiền dự phòng rủi ro đã tạm trích trong năm) thì mức trích lập dự phòng rủi ro tối thiểu bằng mức chênh lệch thu chi. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không phải thực hiện dự trữ bắt buộc. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được miễn nộp phí bảo hiểm tiền gửi, phí tham gia Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.

Việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông, công bố thông tin của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước phù hợp với mục tiêu bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng. Số lượng thành viên, nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước quyết định phù hợp với thực trạng hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt. Trường hợp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng hết nhiệm kỳ mà tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt chưa bầu, bổ nhiệm Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới thì Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát hiện tại tiếp tục thực hiện việc quản trị, kiểm soát tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

*c) Bổ sung Mục 1a (gồm 2 điều 147 và 147a) vào sau Mục 1 Chương VIII về nội dung liên quan đến đánh giá thực trạng và quyết định chủ trương tái cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt* để bảo đảm việc xem xét, lựa chọn phương án xử lý phù hợp với thực trạng của từng tổ chức tín dụng, trong đó quy định cụ thể quy trình đánh giá, đối tượng đề xuất, thẩm quyền phê duyệt chủ trương phù hợp với từng tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt dựa trên kết quả đánh giá tổng thể thực trạng của tổ chức tín dụng này.

*Theo đó, tại Điều 147 việc đánh giá tổng thể thực trạng tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được quy định như sau:*

*“*1. Ban kiểm soát đặc biệt yêu cầu tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thuê tổ chức kiểm toán độc lập rà soát, đánh giá thực trạng tài chính, xác định giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ với các nội dung cụ thể theo yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt. Việc thuê tổ chức kiểm toán độc lập phải hoàn thành trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định thành lập Ban kiểm soát đặc biệt.

Trường hợp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không hoàn thành việc thuê tổ chức kiểm toán độc lập trong thời hạn quy định, Ban kiểm soát đặc biệt chỉ định tổ chức kiểm toán độc lập.

2. Trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày có quyết định thành lập Ban kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt phải hoàn thành và gửi Ban kiểm soát đặc biệt kết quả tự đánh giá tổng thể thực trạng của tổ chức tín dụng đó và đề xuất chủ trương cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

3. Trong thời hạn 05 tháng, kể từ ngày có quyết định thành lập Ban kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt hoàn thành việc đánh giá tổng thể thực trạng tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, kể cả trong trường hợp tổ chức tín dụng không hoàn thành việc tự đánh giá theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Việc đánh giá tổng thể thực trạng của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, trừ quỹ tín dụng nhân dân, phải căn cứ vào báo cáo của tổ chức kiểm toán độc lập quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Nội dung đánh giá tổng thể thực trạng tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt do Ban kiểm soát đặc biệt quyết định nhưng phải bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Tình hình tài chính, giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ;

b) Thực trạng về tổ chức, quản trị, điều hành, hệ thống công nghệ thông tin;

c) Thực trạng về hoạt động, kinh doanh.

6. Chi phí thuê tổ chức kiểm toán độc lập và các chi phí khác liên quan đến đánh giá tổng thể thực trạng tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt do tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt chi trả và được hạch toán vào chi phí của tổ chức tín dụng đó”.

Trên cơ sở đánh giá tổng thể thực trạng tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt đề xuất với Ngân hàng Nhà nước chủ trương cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt (Điều 147a).

d) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng đã bổ sung các Mục 1b. Phương án phục hồi tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt (gồm 6 điều); Mục 1c. Phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt (gồm 5 điều); Mục 1d. Phương án giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt (gồm 2 điều); Mục 1đ. Phương án chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt (gồm 8 điều); Mục 1e. Phương án phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt (gồm 4 điều) quy định chi tiết về các phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo nguyên tắc tạo lập khuôn khổ pháp lý để cơ quan có thẩm quyền có thể lựa chọn áp dụng các phương án, biện pháp xử lý phù hợp với thực trạng của từng tổ chức tín dụng yếu kém. Theo đó, phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt gồm: (i) phương án phục hồi; (ii) phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; (iii) phương án giải thể; (iv) phương án chuyển giao bắt buộc; (v) phương án phá sản. Phương án cơ cấu lại cụ thể đối với từng tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt sẽ được lựa chọn phù hợp với thực trạng của từng tổ chức tín dụng theo nguyên tắc bảo đảm giữ vững sự ổn định, an toàn của hệ thống tổ chức tín dụng, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, củng cố lòng tin của người gửi tiền vào hệ thống ngân hàng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người gửi tiền.

Trong đó, *Mục 1b quy định cụ thể về phương án phục hồi tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.* Cụ thể:

- Phương án phục hồi là phương án áp dụng các biện pháp để tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt tự khắc phục tình trạng dẫn đến tổ chức tín dụng đó được đặt vào kiểm soát đặc biệt, bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

+ Phương án tăng vốn điều lệ và thời hạn thực hiện phương án tăng vốn điều lệ trong các trường hợp: giá trị thực của vốn điều lệ thấp hơn vốn pháp định; tỷ lệ an toàn vốn dưới mức quy định của Ngân hàng Nhà nước; theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước để bảo đảm an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng;

+ Phương án hoạt động kinh doanh trong giai đoạn phục hồi;

+ Phương án cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành;

+ Phương án xử lý tồn tại, yếu kém về tài chính, nợ xấu, tài sản bảo đảm và các biện pháp khắc phục các vi phạm pháp luật;

+ Phương án chi trả theo lộ trình đối với tiền gửi của khách hàng là pháp nhân, tiền gửi, tiền vay của tổ chức tín dụng khác; phương án xử lý khoản vay đặc biệt đã vay, bao gồm cả khoản vay đặc biệt;

+ Biện pháp hỗ trợ cần áp dụng;

+ Lộ trình, thời hạn thực hiện phương án phục hồi.

- Trường hợp Ngân hàng Nhà nước dự kiến chỉ định tổ chức tín dụng hỗ trợ, ngoài các nội dung nêu trên, tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt phối hợp với tổ chức tín dụng hỗ trợ bổ sung các nội dung sau đây:

+ Phương án hỗ trợ của tổ chức tín dụng hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; phương án hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng hỗ trợ;

+ Phương án trả lương, thù lao, tiền thưởng và các chế độ khác cho người được biệt phái tham gia hỗ trợ quản trị, điều hành tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;

+ Phương án trả lương cho người lao động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt trong thời gian kiểm soát đặc biệt.

Đồng thời để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện phương án phục hồi, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng cũng bổ sung quy định về *các biện pháp hỗ trợ thực hiện phương án phục hồi (Điều 148b)* như sau:

- Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt là ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, công ty tài chính được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau đây:

+ Bán nợ xấu không có tài sản bảo đảm hoặc nợ xấu có tài sản bảo đảm mà tài sản bảo đảm đang bị kê biên, tài sản bảo đảm không có hồ sơ, giấy tờ hợp lệ cho tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng;

+ Vay đặc biệt với lãi suất ưu đãi đến mức 0% của Ngân hàng Nhà nước;

+ Hạch toán dần vào chi phí phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản nợ, khoản phải thu, khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán với giá bán và số tiền dự phòng đã trích lập của các khoản này phù hợp với tình hình tài chính của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt với thời hạn tối đa là 10 năm;

+ Miễn, giảm tiền lãi vay tái cấp vốn, vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước;

+ Công ty tài chính được vay đặc biệt với lãi suất ưu đãi đến mức 0% của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam từ Quỹ dự phòng nghiệp vụ;

+ Nhận tiền gửi hoặc vay của tổ chức tín dụng hỗ trợ với lãi suất ưu đãi;

+ Mua nợ, trái phiếu doanh nghiệp do tổ chức tín dụng hỗ trợ nắm giữ đang được phân loại nhóm nợ đủ tiêu chuẩn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

+ Mua, đầu tư hệ thống công nghệ thông tin vượt tỷ lệ quy định về mua, đầu tư vào tài sản cố định (Điều 140);

+ Biện pháp khác theo phương án phục hồi đã được phê duyệt.

- Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt là quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô ngoài các biện pháp nêu trên được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau đây:

+ Vay đặc biệt với lãi suất ưu đãi đến mức 0% của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam từ Quỹ dự phòng nghiệp vụ;

+ Tổ chức tài chính vi mô được vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước với lãi suất ưu đãi đến mức 0%;

+ Quỹ tín dụng nhân dân được vay đặc biệt của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam từ Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân với lãi suất ưu đãi đến mức 0%;

+ Biện pháp khác theo phương án phục hồi đã được phê duyệt.

Đối với tổ chức tín dụng hỗ trợ, Luật cũng quy định điều kiện cụ thể như sau (Điều 148d):

- Hoạt động kinh doanh có lãi trong ít nhất 02 năm liền kề trước thời điểm được xem xét chỉ định tham gia hỗ trợ theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập;

- Đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định;

- Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có số lượng và cơ cấu theo quy định của pháp luật;

- Có hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ chuyên trách bảo đảm tuân thủ quy định tại Điều 40 và Điều 41 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Trong quá trình tham gia quản trị, kiểm soát, điều hành, hỗ trợ tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng hỗ trợ có các quyền và nghĩa vụ sau (Điều 148đ):

- Phối hợp với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt xây dựng phương án phục hồi theo quy định;

- Lựa chọn, giới thiệu và điều động cán bộ đủ năng lực, kinh nghiệm, điều kiện tham gia quản trị, kiểm soát và điều hành tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước;

- Tổ chức triển khai, quản lý, giám sát tổ chức, hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án phục hồi đã được phê duyệt; đề xuất với Ban kiểm soát đặc biệt việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi đã được phê duyệt;

- Cho vay, gửi tiền với lãi suất ưu đãi tại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án phục hồi đã được phê duyệt;

- Bán nợ, trái phiếu doanh nghiệp đang được phân loại nhóm nợ đủ tiêu chuẩn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước cho tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước;

- Mua lại nợ, trái phiếu doanh nghiệp đã bán theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước;

- Được vay tái cấp vốn với lãi suất ưu đãi đến mức 0%, được giảm 50% tỷ lệ dự trữ bắt buộc theo phương án phục hồi đã được phê duyệt;

- Không bị hạn chế về tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;

- Các khoản cho vay, tiền gửi tại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được áp dụng hệ số rủi ro 0% khi tính tỷ lệ an toàn vốn và được phân loại vào nhóm nợ đủ tiêu chuẩn;

- Được hạch toán vào chi phí hoạt động đối với các khoản chi lương, thù lao, tiền thưởng cho người được biệt phái tham gia quản trị, kiểm soát, điều hành tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;

- Được phát hành trái phiếu dài hạn cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước;

- Được áp dụng các biện pháp hỗ trợ khác do Ngân hàng Nhà nước quyết định theo thẩm quyền.

*Về phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt (Mục 1c)*, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng quy định: là phương án áp dụng khi có tổ chức tín dụng nhận sáp nhập, hợp nhất, có nhà đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt. Luật cũng quy định cụ thể về các điều kiện, trình tự, thủ tục quyết định sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt và nội dung, biện pháp hỗ trợ và tổ chức chức thực hiện phương án này.

Theo đó, việc xây dựng, phê duyệt phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Được quyết định chủ trương sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp hoặc thuộc một trong các trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp khi tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không hoàn thành việc xây dựng phương án phục hồi hoặc phương án phục hồi không được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc theo đề nghị của Ban kiểm soát đặc biệt hoặc Ngân hàng Nhà nước xét thấy tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không có khả năng phục hồi theo phương án phục hồi đã được phê duyệt hoặc hết thời hạn thực hiện phương án phục hồi mà tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không khắc phục được tình trạng dẫn đến tổ chức tín dụng đó được đặt vào kiểm soát đặc biệt;

- Có tổ chức tín dụng nhận sáp nhập, hợp nhất, nhà đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức tín dụng sau sáp nhập, hợp nhất bảo đảm giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định và đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng cũng bổ sung quy định về việc tổ chức thực hiện phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp (Điều 149d). Trong đó, quy định Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện phương án đã được phê duyệt. Ngân hàng Nhà nước quyết định hoặc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền việc sửa đổi, bổ sung phương án, bao gồm cả việc gia hạn thời hạn thực hiện phương án trên cơ sở đề nghị của Ban kiểm soát đặc biệt. Trình tự, thủ tục thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp được thực hiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp hết thời hạn thực hiện phương án mà tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không thực hiện được phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp thì Ngân hàng Nhà nước xem xét, trình Chính phủ quyết định chủ trương giải thể, chuyển giao bắt buộc hoặc phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

*Về phương án giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt (Mục 1d)*, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng quy định: theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ quyết định chủ trương giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Điều 147a hoặc thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 148, khoản 4 Điều 148c, khoản 2 Điều 149a hoặc khoản 4 Điều 149d của Luật này (khi các phương án phục hồi, sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng không thực hiện được) khi tổ chức tín dụng đủ điều kiện giải thể theo quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp. Đồng thời, sau khi Chính phủ quyết định chủ trương giải thể, Ngân hàng Nhà nước được giao nhiệm vụ chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt và giám sát việc thanh lý tài sản theo quy định

*Phương án chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt (Mục 1đ)* là phương án chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông của ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt phải chuyển giao toàn bộ cổ phần, phần vốn góp cho bên nhận chuyển giao. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng quy định: Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ quyết định chủ trương chuyển giao bắt buộc tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt là ngân hàng thương mại cho bên nhận chuyển giao theo quy định, khi có đủ các điều kiện sau: giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ âm; có đề nghị của bên nhận chuyển giao. Trong đó, nội dung phương án chuyển giao bắt buộc phải gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- Thông tin về bên nhận chuyển giao;

- Phương án tăng vốn điều lệ và thời hạn thực hiện;

- Phương án hoạt động kinh doanh phù hợp với thực trạng của ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt trong từng giai đoạn;

- Phương án cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành;

- Phương án xử lý tồn tại, yếu kém, nợ xấu, tài sản bảo đảm;

- Phương án xử lý tiền gửi của khách hàng là pháp nhân, tiền gửi và tiền vay của tổ chức tín dụng khác; phương án xử lý khoản vay đặc biệt đã vay, bao gồm cả khoản vay đặc biệt;

- Phương án xử lý cổ phần, phần vốn góp của bên nhận chuyển giao tại ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt sau chuyển giao bắt buộc vượt giới hạn quy định áp dụng đối với tổ chức tín dụng không được kiểm soát đặc biệt hoặc xử lý pháp nhân đối với ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt sau chuyển giao bắt buộc thông qua việc tăng vốn điều lệ, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp cho nhà đầu tư mới, sáp nhập hoặc hợp nhất với tổ chức tín dụng khác;

- Biện pháp hỗ trợ theo quy định cần áp dụng;

- Lộ trình, thời hạn thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc.

Đối với bên nhận chuyển giao, Luật cũng quy định phải đáp ứng được các điều kiện sau (Điều 151đ):

- Trường hợp bên nhận chuyển giao là tổ chức tín dụng phải đáp ứng các điều kiện sau đây: hoạt động kinh doanh có lãi trong ít nhất 02 năm liền kề trước thời điểm đề nghị nhận chuyển giao theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập; đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định; có phương án chuyển giao bắt buộc khả thi, trong đó bao gồm nội dung chứng minh bên nhận chuyển giao có đủ nguồn vốn để thực hiện góp vốn theo phương án.

Trường hợp bên nhận chuyển giao không phải là tổ chức tín dụng phải đáp ứng các điều kiện sau đây: là pháp nhân; hoạt động kinh doanh có lãi trong ít nhất 02 năm liền kề trước thời điểm đề nghị nhận chuyển giao theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập; có phương án chuyển giao bắt buộc khả thi, trong đó bao gồm nội dung chứng minh bên nhận chuyển giao có đủ nguồn vốn để thực hiện góp vốn theo phương án.

Luật cũng quy định quyền của bên nhận chuyển giao (Điều 151e) như sau:

- Bên nhận chuyển giao là tổ chức tín dụng có các quyền sau đây:

+ Sở hữu 100% vốn điều lệ của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc đối với trường hợp ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

+ Không thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc;

+ Được loại trừ ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc khi tính tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất;

+ Khoản vốn góp vào ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc không phải thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và được loại trừ khi tính giới hạn góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao.

Mức góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao vào ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc được thực hiện theo tỷ lệ quy định tại phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;

+ Được bán, phát hành cổ phần của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao cho nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;

+ Được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

- Bên nhận chuyển giao không phải là tổ chức tín dụng có quyền sở hữu cổ phần, phần vốn góp của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc vượt tỷ lệ giới hạn sở hữu cổ phần, phần vốn góp theo quy định.

*Phương án phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt (Mục 1e)* cũng được bổ sung trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước xem xét, trình Chính phủ quyết định chủ trương phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo quy định (khi các phương án khác không thực hiện được) khi tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt lâm vào tình trạng phá sản. Nội dung phương án phá sản phải bao gồm các nội dung tối thiểu sau (Điều 152b):

- Đánh giá thực trạng và quá trình xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được quyết định chủ trương phá sản;

- Đánh giá tác động của việc thực hiện phương án phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đối với sự an toàn của hệ thống tổ chức tín dụng;

- Phương án chi trả tiền gửi của khách hàng là cá nhân;

- Lộ trình thực hiện và trách nhiệm triển khai phương án phá sản.

**2. Về quy định chuyển tiếp (Điều 3)**

Luật có quy định về xử lý chuyển tiếp đối với các tổ chức tín dụng đã được kiểm soát đặc biệt trước ngày Luật có hiệu lực như: cơ chế xử lý trong trường hợp sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, xây dựng mới phương án xử lý ngân hàng thương mại đã mua bắt buộc và các nguyên tắc thực hiện việc chuyển nhượng các ngân hàng này cho tổ chức tín dụng, nhà đầu tư khác. Luật cũng quy định về xử lý chuyển tiếp với người quản trị, điều hành do thay đổi điều kiện về tiêu chuẩn người quản trị, điều hành của tổ chức tín dụng, về cấp tín dụng và về trường hợp sở hữu cổ phần vượt mức theo quy định của Luật này, cụ thể:

Việc cơ cấu lại tổ chức tín dụng đã được kiểm soát đặc biệt hoặc đang thực hiện phương án xử lý được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc ngân hàng thương mại đã được mua bắt buộc trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo phương án đã được quyết định. Việc điều chỉnh một hoặc một số nội dung của phương án đã được quyết định, thay đổi phương án hoặc xây dựng mới phương án cơ cấu lại được thực hiện theo quy định có liên quan tại các mục 1, 1b, 1c, 1d, 1đ và 1e Chương VIII của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung theo Luật này.

Đồng thời, trong thời gian kiểm soát đặc biệt, ngân hàng thương mại đã được mua bắt buộc trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 148b của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung theo Luật này theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Ngân hàng Nhà nước.

Đối với ngân hàng thương mại đã được mua bắt buộc trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, vốn điều lệ cho tổ chức tín dụng, nhà đầu tư khác kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành được thực hiện theo quy định sau đây:

- Ngân hàng Nhà nước xây dựng phương án trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước khi triển khai thực hiện;

- Phương án bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: thông tin về bên nhận chuyển nhượng; phương án xử lý cổ phần, phần vốn góp vượt giới hạn quy định tại ngân hàng thương mại đã được mua bắt buộc sau chuyển nhượng trong trường hợp bên nhận chuyển nhượng là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam; lộ trình, thời hạn thực hiện phương án chuyển nhượng; các nội dung quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 151b của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung theo Luật này; các nội dung quy định tại các điểm d, đ và g khoản này;

- Bên nhận chuyển nhượng phải đáp ứng các điều kiện đối với bên nhận chuyển giao quy định tại Điều 151đ của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung theo Luật này;

- Chuyển nhượng phần vốn góp theo phương thức thỏa thuận trực tiếp với bên mua; giá chuyển nhượng phần vốn góp không thấp hơn giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ do tổ chức kiểm toán độc lập xác định và theo cơ chế giá thị trường;

- Ngân hàng thương mại đã được mua bắt buộc sau chuyển nhượng được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 148b của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung theo Luật này, bán nợ xấu có tài sản bảo đảm cho tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng;

- Bên nhận chuyển nhượng được thực hiện các quyền của bên nhận chuyển giao quy định tại Điều 151e của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung theo Luật này;

- Việc xử lý cổ phần, phần vốn góp vượt giới hạn quy định tại ngân hàng thương mại đã được mua bắt buộc sau chuyển nhượng trong trường hợp bên nhận chuyển nhượng là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam được thực hiện theo quy định tại Điều 151g của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung theo Luật này.

Người quản lý, người điều hành và các chức danh khác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được bầu, bổ nhiệm trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung theo Luật này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn bổ nhiệm.

Đối với hợp đồng cấp tín dụng được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng cấp tín dụng. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp tín dụng nói trên chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung theo Luật này.

Luật cũng quy định Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cụ thể thời hạn, trình tự, thủ tục chuyển tiếp đối với trường hợp tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông lớn của một tổ chức tín dụng và người có liên quan của cổ đông đó không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 55 của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung theo Luật này./.